

trợ cấp và đề nghị các công trình thủy nông cần được ngân sách trung ương trợ cấp.

Phần thiết kế và thi công công trình tiến hành như chế độ phân cấp do Bộ Thủy lợi đã ban hành chung cho các loại công trình thủy lợi.

b) Nhân lực làm thủy lợi:

Điều kiện nhân lực địa phương ở các vùng có khai hoang rất khó khăn, do tình hình dân cư thưa thớt. Việc xây dựng công trình thủy lợi phục vụ khu khai hoang tại chỗ chủ yếu do lực lượng của hợp tác xã khai hoang hoặc có phối hợp với nhân dân địa phương đảm nhiệm.

Đối với công trình phục vụ riêng cho khu khai hoang không phân biệt quy mô công trình, nhân dân khai hoang phải đảm nhiệm việc xây dựng quản lý và khai thác. Ban quản trị hợp tác xã quyết định số lượng và thời gian huy động tùy theo khối lượng công trình, theo sự hướng dẫn của cơ quan thủy lợi địa phương.

Đối với công trình trong vùng không phân biệt quy mô có tác dụng cho các diện tích trồng trọt của nhân dân địa phương và của khu khai hoang, nhiệm vụ hợp tác xã khai hoang phải đóng góp nhân lực, số lượng theo tỷ lệ hưởng lợi công trình. Trong ba năm đầu khai hoang, xã viên được huy động theo chế độ thuê mượn, các năm sau, sẽ huy động theo nghĩa vụ dân công. Ngoài ra, nếu tình hình sản xuất nhàn rỗi, hợp tác xã hoặc cá nhân xã viên cần tích cực tham gia xây dựng công trình dưới hình thức khoán.

Đối với việc tu bổ sửa chữa công trình tiêu thủy nông trong khu khai hoang, mỗi xã viên đều phải đóng góp như công tác sản xuất. Nhân lực sử dụng vào việc tu bổ sửa chữa thường xuyên công trình tiêu thủy nông không sử dụng vào nghĩa vụ dân công. Nếu vì hoàn cảnh sản xuất, phải sử dụng vào thời gian nghĩa vụ dân công, hợp tác xã phải đưa yêu cầu, được Ủy ban hành chính huyện xét và đề nghị tỉnh duyệt.

Các tổ đội khai hoang xen kẽ trong thời gian đầu còn bận chuẩn bị và xây dựng tổ chức sản xuất, được huy động theo chế độ thuê mượn để xây dựng, mở rộng hoặc sửa chữa các công trình trung, đại thủy nông phục vụ cho hợp tác xã. Thời gian này không quá một năm; trừ trường hợp thiên tai mất mùa, đời sống khó khăn thì địa phương xét và gia hạn thêm; sau khi sản xuất đã ổn định, các tổ, đội khai hoang xen kẽ làm nghĩa vụ dân công như nhân dân địa phương. Đối với công trình tiêu thủy lợi của hợp tác xã, các tổ, đội tham gia như các xã viên khác.

5. Căn cứ vào nội dung thông tư này, tùy theo sự cần thiết Bộ Thủy lợi và Tổng cục khai hoang có chỉ thị cụ thể hướng dẫn ngành mình thi hành. Ủy ban hành chính các tỉnh có công tác khai hoang cần tăng cường chỉ đạo, đặt quan hệ chặt chẽ giữa tỉnh dựa người và tỉnh nhận người, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp giữa hai ngành thủy lợi và khai hoang, cho việc phối hợp với các ngành nông, lâm nghiệp ở địa phương, trước mắt có biện pháp cụ thể đề cùng cố kịp thời các cơ sở khai hoang đang gặp khó khăn về nước.

Các cơ quan các cấp của hai ngành nghiên cứu thực hiện thông tư này và phản ánh các khó khăn, nhất là về mặt chính sách, đề liên Bộ kịp thời bổ sung.

Hà-nội, ngày 2 tháng 8 năm 1963.

Tổng Cục trưởng
Tổng cục Khai hoang
LÊ QUẢNG BA

Bộ trưởng
Bộ thủy lợi
HÀ KẾ TẤN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**QUYẾT ĐỊNH số 813-QĐ về việc ấn định
khoản thu của Công ty đại lý tàu biển
Việt-nam và thẻ thức thanh toán.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ vào nghị định của Hội đồng Chính phủ số 160-CP ngày 9-10-1961 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ vào nghị định của Hội đồng Chính phủ số 115-CP ngày 25-7-1963 ban hành điều lệ về công tác của Công ty đại lý tàu biển Việt-nam và ủy nhiệm cho Bộ Giao thông vận tải quy định đại lý phí và thẻ thức thanh toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Công ty đại lý tàu biển Việt-nam làm thủ tục cho tàu vào và ra cảng, cho việc giao nhận và xếp dỡ hàng hóa xuất nhập khẩu, cho việc hành khách xuất nhập cảnh, được thu các khoản phí sau đây:

a) Khoản thu theo dung lượng, theo trọng tải của tàu hoặc theo công suất của máy.

Ráp Bảng Anh

— Tàu có dung lượng thực
dụng đăng ký mỗi tôn-nô. 0,092 rúp 9đ,

— Tàu nhỏ, tàu lai không
có dung lượng thực dụng
đăng ký mỗi mã lực của máy
chính 0,061 rúp 6đ,

— Sà-lan mỗi tấn 0,061 rúp 6đ,

Khoản đại lý phí này tăng, giảm
trong những trường hợp sau đây:

— Tàu neo ở ngoài phạm vi
cảng để lên xuống hàng hóa tăng 20%

— Tàu vào cảng không phải để
xếp dỡ hàng hóa mà vì những
lý do như sửa chữa, tránh
bão v.v... giảm 50%

— Tàu vào lấy than, một
chuyến phải vào hai cảng mới
lấy đủ số than định lấy . . . ở cảng thứ
nhất thu 100%,
ở cảng thứ hai
thu 50%

Chú thích:

— Khoản đại lý phí này chỉ thu một lần
đối với một chuyến tàu vào và ra cảng;

— Trường hợp cùng một chuyến tàu vào
cảng để xếp dỡ hàng, có hai người ủy nhiệm,
thì người ủy nhiệm thứ nhất trả 100%, người
ủy nhiệm thứ hai trả 50%;

— Phần lẻ của tôn-nô, mã lực và tấn quy
tròn là 1 tôn-nô, 1 mã lực và 1 tấn để tính
tiền.

b) Khoản thu theo khối lượng hàng hóa xếp
dỡ (theo vận đơn)

Ráp Bảng Anh

— Hàng đóng bao, đóng
kiện, 500 tấn đầu, mỗi tấn 0,061 rúp 6đ,

Từ tấn thứ 501 trở đi
mỗi tấn 0,031 rúp 3đ,

— Hàng rời (không đóng
bao, đóng kiện, không bó)
500 tấn đầu mỗi tấn 0,031 rúp 3đ,

Từ tấn thứ 501 trở đi mỗi
tấn 0,015 rúp 1đ,5

Chú thích: Công ty căn cứ vào trọng lượng
hàng hóa ghi ở vận đơn để tính khoản đại lý
phí này.

— Phần lẻ của tấn quy tròn là 1 tấn để
tính tiền.

c) Khoản thu theo số vé hành khách xuất
nhập cảnh

Ráp Bảng Anh

1 vé 0,612 rúp 4 s 10đ,

1/2 vé 0,306 rúp 2 s 05đ,

Điều 2. — Công ty đại lý tàu biển Việt-nam,
làm cho người ủy nhiệm và cho hãng tàu những
công việc ghi trong điều 5 của bản điều lệ ban
hành kèm theo nghị định của Hội đồng Chính
phủ số 115-CP ngày 25-7-1963, được hưởng hoa
hồng như sau:

a) Mỗi giới, thu xếp việc
cung cấp lương thực, nước
ngọt, nhiên, vật liệu và
dụng cụ cho tàu 3% giá hàng

b) Điều đình về việc 3% tổng số ph
sửa chữa tàu tổn sửa chữa

c) Mỗi giới thuê tàu 5% tiền cước

d) Mỗi giới mua bán tàu 5% giá bán (thu
ở người bán

e) Làm thủ tục giao trả tàu cho thuê:

Ráp Bảng Anh

— Tàu trọng tải từ
3000 tấn trở xuống 61,162 rúp £ 24-5-

— Tàu trọng tải
trên 3000 tấn 122,324 rúp £ 48-10-1

f) Mỗi giới bán
vé hành khách 3% tiền vé (thu ở hãng tàu

g) Tìm hàng cho
tàu chở 5% tiền cước (thu ở hãng
tàu)

h) Thanh toán tiền
thường, phạt về việc
xếp dỡ hàng hóa 3% số tiền thường hay ph
(thu ở người nhận tiền

i) Điều đình, dàn xếp
việc bồi thường hàng hóa
bị mất mát, hư hỏng, làm
lấn trong khi chuyên
chở, giao nhận 1% số tiền bồi thường
(thu ở hãng tàu)

k) Điều đình việc
chuyên tải 2,5% tiền cước chuyên tải

l) Trả hộ, thu hộ
mọi khoản tiền, kể
cả tiền cước thu
cho hãng tàu: 1% số tiền thu hoặc trả hộ.

Chú thích: khoản lệ phí này không thu
trong trường hợp thu hoặc trả tiền về những
công việc mà Công ty đã thu thủ tục phí và
hưởng hoa hồng rồi.

Về các công việc khác làm cho tàu và cho
người ủy nhiệm, ngoài những công việc ghi

trên đây, tỷ lệ hoa hồng sẽ do Công ty đại lý tàu biển và người ủy nhiệm thỏa thuận với nhau.

Điều 3. — Người ủy nhiệm phải chịu tất cả những thủ tục phí ngân hàng và các khoản chi về tem thư, điện tín, điện thoại mà Công ty đã dùng để thông tin, liên lạc, giải quyết công việc cho mình.

Điều 4. — Người ủy nhiệm từng chuyến cũng như người ủy nhiệm dài hạn phải ký gửi một số tiền tối thiểu, đủ để chi tiêu cho một chuyến tàu vào và ra cảng, kể cả cảng phí. Số tiền ký gửi do Công ty ước tính và báo cho người ủy nhiệm biết. Sau khi ký gửi tiền rồi, nếu có những khoản chi bất thường, số tiền gửi không đủ, thì người ủy nhiệm phải ký gửi thêm, theo yêu cầu của Công ty.

Trường hợp đặc biệt, Công ty có thể ứng tiền để chi tiêu cho tàu. Về số tiền ứng ra đó, Công ty được tính lãi mỗi tháng 0,03%, kể từ ngày Công ty ứng tiền đến ngày người ủy nhiệm chuyển tiền thanh toán cho Công ty.

Điều 5. — Công ty có toàn quyền sử dụng tiền ký quỹ của người ủy nhiệm để chi những khoản thông thường và những khoản đã có dự trù trước. Đối với những khoản chi bất thường, không có dự trù trước, Công ty phải hỏi ý kiến của người ủy nhiệm, trừ những khoản lật vật tổng cộng dưới 100đ.

Điều 6. — Người ủy nhiệm phải trực tiếp thanh toán với Công ty :

— Tất cả những khoản phí mà theo luật lệ của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, tàu ra vào cảng phải trả.

— Những khoản chi tiêu của tàu trong thời gian tàu đậu ở cảng.

Tuy nhiên, nếu người ủy nhiệm yêu cầu hoặc nếu người ủy nhiệm thỏa thuận với người thứ ba thì một phần hay toàn bộ các khoản phí và chi tiêu đó có thể do người thứ ba thanh toán với Công ty, (nếu hãng tàu ủy nhiệm đại lý thì người thứ ba là người thuê tàu, nếu người thuê tàu ủy nhiệm đại lý thì người thứ ba là hãng tàu). Trong trường hợp này người thứ ba cũng phải thanh toán bằng ngoại tệ theo quy định của điều 10 dưới đây và người ủy nhiệm vẫn phải ký gửi đủ số tiền cần thiết và chịu trách nhiệm thanh toán nếu việc thanh toán với người thứ ba có khó khăn trở ngại. Nếu người thứ ba thanh toán xong phẳng thì số tiền ký gửi không dùng đến sẽ hoàn lại cho người ủy nhiệm.

Điều 7. — Sau khi nhận được bản tổng kết các khoản chi và chứng từ, nếu người ủy nhiệm có ý kiến gì thì chậm nhất là 30 ngày sau, phải báo cho Công ty biết. Quá thời hạn đó, nếu người ủy nhiệm không có ý kiến gì với Công ty thì coi như đã chấp thuận các chứng từ.

Điều 8. — Các giấy yêu cầu của thuyền trưởng hay người đại diện của thuyền trưởng, các hóa đơn đã được thuyền trưởng hoặc người có thẩm quyền trên tàu xác nhận đều là những chứng từ có giá trị để thanh toán những khoản chi trên của tàu.

Điều 9. — Trường hợp ủy nhiệm từng chuyến, sau khi tàu đã rời cảng, Công ty kết toán oáo khoản chi về chuyến tàu đó rồi gửi cho người ủy nhiệm. Nếu tiền ký gửi không dùng hết thì số thừa sẽ hoàn lại cho người ủy nhiệm.

Trường hợp ủy nhiệm dài hạn thì sau mỗi chuyến tàu Công ty cũng kết toán như trên, nhưng hết tháng mới tính toán thừa thiếu. Nếu hết tháng, tiền ký gửi không dùng hết thì người ủy nhiệm phải báo cho Công ty biết quyết định của mình về việc sử dụng số tiền thừa.

Điều 10. — Việc tính đại lý phí quy ra ngoại tệ, căn cứ quốc tịch của tàu để thanh toán :

— Đối với tàu các nước xã hội chủ nghĩa, thanh toán theo rúp mẫu dịch ;

— Đối với tàu không thuộc các nước xã hội chủ nghĩa, thanh toán theo ngoại tệ tự do ;

— Tỷ giá hối đoái, rúp mẫu dịch và ngoại tệ tự do do Ngân hàng Nhà nước chính thức công bố.

Điều 11. — Giá biểu đại lý phí, các tỷ lệ hoa hồng đại lý cũng như các quy định về thủ tục thanh toán trong bản quyết định này được áp dụng bắt đầu từ ngày 1 tháng 6 năm 1963. Cũng từ ngày đó, tất cả những quy định trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 12. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục vận tải thủy và Chủ nhiệm Công ty đại lý tàu biển Việt-nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 27 tháng 7 năm 1963.

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thủ trưởng

DƯƠNG BẠCH LIÊN